

Câu 1 (3,5 điểm)

Kê tên các loại biểu đồ thường gặp. Nêu dấu hiệu và cách vẽ biểu đồ miền.

Câu 2 (6.5 điểm)

Cho bảng số liệu sau:

GIÁ TRỊ XUẤT NHẬP KHẨU PHÂN THEO NHÓM HÀNG CỦA NƯỚC TA, NĂM 2000 VÀ NĂM 2005.

(Đơn vị: tỉ USD)

Nhóm hàng	2000	2005
Xuất khẩu	14482.7	32447.1
CN nặng và khoáng sản	5382.1	11701.4
CN nhẹ và thủ công nghiệp	4903.1	13293.4
Nông – lâm – thủy sản	4197.5	7452.3
Nhập khẩu	15636.5	36761.3
Tư liệu sản xuất	14668.2	33768.8
Hàng tiêu dùng	968.3	2992.5

- Vẽ biểu đồ thể hiện cơ cấu hàng xuất nhập khẩu phân theo nhóm hàng giai đoạn 2000-2005.
- Nhận xét.

—Hết—

*Thí sinh không được sử dụng tài liệu để làm bài .
Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm !*

Họ tên thí sinh.....SBD.....

Câu	Nội dung	Thang điểm																		
1	Các loại biểu đồ thường gặp:	1.5																		
	- Biểu đồ tròn	0.25																		
	- Biểu đồ cột	0.25																		
	- Biểu đồ miền	0.25																		
	- Biểu đồ đường	0.25																		
	- Biểu đồ kết hợp	0.25																		
	- Biểu đồ bán nguyệt	0.25																		
	Dấu hiệu và cách vẽ biểu đồ miền																			
	Dấu hiệu	0.75																		
	Thể hiện sự chuyển dịch, sự thay đổi cơ cấu	0.25																		
	Nhiều năm	0.25																		
	Đơn vị %	0.25																		
	Cách vẽ:	1.25																		
	Dựng 1 hình chữ nhật hoặc hình vuông khép kín	0.25																		
	Chia tỉ lệ biểu đồ: 0- 20%	0.25																		
	Chia khoảng cách năm: năm đầu tiên và năm cuối cùng nằm trên hai cạnh	0.25																		
	Nếu có 2 đối tượng vẽ 1 đường, nếu có 3 đối tượng vẽ 2 đường.....	0.25																		
Hoàn thiện biểu đồ: ghi số liệu, chú thích, tên biểu đồ	0.25																			
2	Xử lí số liệu	1.0																		
	Cơ cấu hàng xuất nhập khẩu phân theo nhóm hàng giai đoạn 2000-2005.(%)																			
	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Nhóm hàng</th> <th>2000</th> <th>2005</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Xuất khẩu</td> <td>100</td> <td>100</td> </tr> <tr> <td>CN nặng và khoáng sản</td> <td>37.2</td> <td>36.0</td> </tr> <tr> <td>CN nhẹ và thủ công nghiệp</td> <td>33.9</td> <td>41.0</td> </tr> <tr> <td>Nông – lâm – thủy sản</td> <td>28.9</td> <td>23.0</td> </tr> <tr> <td>Nhập khẩu</td> <td>100</td> <td>100</td> </tr> </tbody> </table>	Nhóm hàng	2000	2005	Xuất khẩu	100	100	CN nặng và khoáng sản	37.2	36.0	CN nhẹ và thủ công nghiệp	33.9	41.0	Nông – lâm – thủy sản	28.9	23.0	Nhập khẩu	100	100	
	Nhóm hàng	2000	2005																	
	Xuất khẩu	100	100																	
	CN nặng và khoáng sản	37.2	36.0																	
	CN nhẹ và thủ công nghiệp	33.9	41.0																	
Nông – lâm – thủy sản	28.9	23.0																		
Nhập khẩu	100	100																		

Tư liệu sản xuất	93.8	91.9	
Hàng tiêu dùng	6.2	8.1	
Tính bán kính:			1.0
R_ Xuất khẩu 2000=1 đvbk			0.25
R_ Nhập khẩu 2000= 1,03 đvbk			0.25
R_ Xuất khẩu 2005=1,5 đvbk			0.25
R_ Nhập khẩu 2005= 1,59 đvbk			0.25
Vẽ biểu đồ:			3.0
- Yêu cầu vẽ 2 biểu đồ bán nguyệt theo bảng số liệu đã xử lí, đúng bán kính, đẹp.			
-Hoàn thiện biểu đồ: ghi số liệu, chú thích, tên biểu đồ			
Nhận xét:			1.5
Cơ cấu hàng xuất nhập khẩu có sự thay đổi			0.25
Về xuất khẩu: các mặt hàng xuất khẩu khá đa dạng, nhưng có sự thay đổi trong cơ cấu.			
Tỉ trọng CN nặng và khoáng sản giảm nhẹ: 1,2 %			0.25
Tỉ trọng CN nhẹ và thủ công nghiệp tăng khá nhanh: 6,1%, do việc đẩy mạnh các mặt hàng dệt, may, da giày.			0.25
Tỉ trọng Nông – lâm – thủy sản giảm khá nhanh: 5.8%, do những biến động của thị trường thế giới.			0.25
Về nhập khẩu			
Nhóm hàng tư liệu sản xuất chiếm ưu thế trong cơ cấu hàng nhập khẩu năm 2005 chiếm 91,9% giá trị nhập khẩu do chúng ta chủ yếu nhập tư liệu sản xuất, máy móc phục vụ cho CNH- HĐH đất nước.			0.25
Nhóm hàng tiêu dùng chỉ chiếm có 8,1 % năm 2005, do sự vươn lên của CN sản xuất hàng tiêu dùng trong nước..Nhập khẩu hàng tiêu dùng nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống.			0.25
Thang điểm làm tròn= 10.0 điểm			

.....Hết.....

Câu 1 (3,5 điểm)

Viết tổng quát các công thức sau: tính cơ cấu, tính tốc độ tăng trưởng, tính năng suất, tính mật độ dân số, tính độ che phủ rừng, tính bán kính, tính tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên, tính cán cân, tính tỉ lệ giới tính, tính cự li vận chuyển trung bình, tính bình quân lương thực theo đầu người.

Câu 2 (6,5 điểm)

Cho bảng số liệu sau:

**GIÁ TRỊ XUẤT NHẬP KHẨU PHÂN THEO THỊ TRƯỜNG CHÍNH Ở NƯỚC TA
NĂM 2000 VÀ NĂM 2005.**

(Đơn vị: triệu USD)

Thị trường	2000		2005	
	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Xuất khẩu	Nhập khẩu
ASEAN	2619.0	4449.0	5743.5	9326.3
Đông Á	5536.7	7943.6	9520.1	19107.1
EU	2845.1	1317.4	5517.0	2581.2
Hoa Kỳ	732.8	363.4	5924.0	862.9
Khu vực khác	2749.1	1562.7	5517.0	4883.6
Tổng	14482.7	15636.1	32221.6	36761.1

1. Vẽ biểu đồ thể hiện cơ cấu giá trị xuất nhập khẩu phân theo nhóm thị trường chính ở nước ta giai đoạn 2000-2005.

2. Nhận xét.

—Hết—

Thí sinh không được sử dụng tài liệu để làm bài.

Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm !

Họ tên thí sinh.....SBD.....

Câu	Nội dung	Thang điểm																									
1	Viết các công thức tổng quát	3.5																									
	- Tỷ trọng trong cơ cấu = (Giá trị cá thể / Giá trị tổng thể) x 100% - Đơn vị: %	0.25																									
	- Lấy giá trị năm đầu = 100% - Tốc độ tăng trưởng năm sau = *Giá trị năm sau / giá trị năm đầu) x 100% - Đơn vị :%	0.5																									
	- Năng suất cây trồng = Sản lượng / Diện tích - Đơn vị: tấn/ha hoặc tạ/ha .	0.25																									
	- Mật độ dân số=(Số dân / Diện tích) - Đơn vị: người/km ²	0.25																									
	- Độ che phủ rừng = (Diện tích rừng / Diện tích vùng) x 100% - Đơn vị: %	0.25																									
	Tính bán kính: R ₁ = 1 đvbk R ₂ = tổng2/ tổng 1 căn bậc 2	0.5																									
	tính tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên: Tg= S- T/10(%)	0.25																									
	Tính cán cân = XK- NK	0.25																									
	Tính tỉ lệ giới tính: % Nam = Nam x100/DS	0.25																									
	Tính cự li vận chuyển trung bình= KLLC/KLVC	0.25																									
- Bình quân lương thực theo đầu người = (Sản lượng lương thực / Số dân) - Đơn vị: kg/người.	0.5																										
2	Xử lí số liệu	1.0																									
	Cơ cấu giá trị xuất nhập khẩu phân theo nhóm thị trường chính ở nước ta giai đoạn 2000-2005.(%)																										
	Thị trường	<table border="1"> <thead> <tr> <th></th> <th colspan="2">2000</th> <th colspan="2">2005</th> </tr> <tr> <th></th> <th>Xuất khẩu</th> <th>Nhập khẩu</th> <th>Xuất khẩu</th> <th>Nhập khẩu</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>ASEAN</td> <td>18.1</td> <td>28.5</td> <td>17.7</td> <td>25.4</td> </tr> <tr> <td>Đông Á</td> <td>38.2</td> <td>50.8</td> <td>29.3</td> <td>52.0</td> </tr> <tr> <td>EU</td> <td>19.7</td> <td>8.4</td> <td>17.0</td> <td>7.0</td> </tr> </tbody> </table>		2000		2005			Xuất khẩu	Nhập khẩu	Xuất khẩu	Nhập khẩu	ASEAN	18.1	28.5	17.7	25.4	Đông Á	38.2	50.8	29.3	52.0	EU	19.7	8.4	17.0	7.0
		2000		2005																							
		Xuất khẩu	Nhập khẩu	Xuất khẩu	Nhập khẩu																						
ASEAN	18.1	28.5	17.7	25.4																							
Đông Á	38.2	50.8	29.3	52.0																							
EU	19.7	8.4	17.0	7.0																							

Hoa Kỳ	5.1	2.3	18.3	2.3	
Khu vực khác	18.9	10.0	17.7	13.3	
Tổng	100	100	100	100	
Tính bán kính:					1.0
R_ Xuất khẩu 2000=1 đvbk					0.25
R_ Nhập khẩu 2000= 1,04đvbk					0.25
R_ Xuất khẩu 2000=1,50 đvbk					0.25
R_ Nhập khẩu 2000= 1,60 đvbk					0.25
Vẽ biểu đồ:					3.0
Yêu cầu vẽ 2 biểu đồ bán nguyệt theo bảng số liệu đã xử lí, đúng bán kính, đẹp.					
Hoàn thiện biểu đồ: ghi số liệu, chú thích, tên biểu đồ					
Nhận xét					1.5
Cơ cấu giá trị xuất nhập khẩu phân theo thị trường ở nước ta có sự thay đổi					0.25
Thị trường Đông Á là thị trường quan trọng nhất, chiếm thị phần xuất khẩu và nhập khẩu lớn nhất ở nước ta(dc). Xu hướng giảm tỉ trọng xuất khẩu tăng tỉ trọng nhập khẩu.					0.5
Thị trường ASEAN chiếm vị trí thứ 2(dc) và có xu hướng giảm(dc)					0.5
Thị trường EU chiếm vị trí thứ 3(dc)và có xu hướng giảm (dc)					0.25
Thang điểm làm tròn= 10.0 điểm					

.....Hết.....

